

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - KHÓA TS 2014, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020
ĐỢT 3 NĂM 2025**

Stt	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TB tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
Khóa 2014							
1	Võ Văn Chi	13-10-1995	14CDMT	2.12	135	Trung bình	
Khóa 2016							
1	Hồ Minh Nhật	27-03-1997	16CNTT3	2.52	136	Khá	
2	Nguyễn Vũ	14-03-1996	16SVL	2.48	136	Trung bình	
Khóa 2017							
1	Nguyễn Thị Khánh Duyên	17-03-1999	17SPT	2.55	135	Khá	
2	Nguyễn Văn Linh	28-02-1999	17CNTT3	2.39	135	Trung bình	
3	Nguyễn Lộc Hoàng Hưng	19-02-1999	17CNTTC	2.59	145	Khá	
4	Phan Thượng Đạt	11-11-1999	17CLS	2.70	135	Khá	
5	Nguyễn Thị Nga	25-09-1999	17CTL2	3.17	138	Khá	
Khóa 2018							
1	Lê Văn Long	14-08-1999	18CNTT4	2.07	136	Trung bình	
2	Trần Thị Kim Chi	18-03-2000	18CBC2	2.90	136	Khá	
3	Huỳnh Hồ Đông	20-07-2000	18CBC1	2.57	136	Khá	
4	Nguyễn Thị Diễm	30-09-2000	18CVNH1	2.98	135	Khá	
5	Trần Ngọc Tú Nhi	14-01-2000	18CVNH1	2.58	135	Khá	
6	Lê Thị Thu Thủy	18-08-2000	18CLS	2.63	135	Khá	
7	Lâm Phước Hoàng	22-05-2000	18CDDL1	2.73	135	Khá	
8	Đinh Công Luyến	13-07-2000	18CDDL2	2.90	135	Khá	
9	Nguyễn Thành Triều	31-07-2000	18CDDL1	2.51	136	Khá	
10	Nguyễn Phương Trang	07-03-2000	18CTL2	2.88	137	Khá	
Khóa 2019							
1	Lê Hoàng Phúc Tâm	04-05-2001	19CNTTC	2.99	132	Khá	
2	Nguyễn Anh Thư	28-07-2001	19SVL	2.48	132	Trung bình	
3	Trương Công Thành	11-01-2001	19CTM	3.31	131	Giỏi	
4	Đặng Trường My	25-04-2001	19CTM	2.75	133	Khá	
5	Nguyễn Thị Thùy Vi	16-01-2001	19CTM	3.10	133	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TB tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
6	Nguyễn Thị Kim Ngân	25-02-2001	19CVH	2.64	135	Khá	
7	Võ Tấn Quang	12-06-2001	19CVH	2.56	131	Khá	
8	Đặng Thị Thu Hằng	15-05-2001	19CVNH1	2.68	131	Khá	
9	Nguyễn Thị Thảo	10-10-2001	19CDDL	3.73	131	Xuất sắc	
10	Lê Thị Kim Anh	03-01-2001	19CTLC	3.60	131	Xuất sắc	
Khóa 2020							
1	Phạm Võ Trang Minh	18-03-2002	20ST1	2.51	132	Khá	
2	Nguyễn Thị Minh Trang	28-09-2002	20ST1	2.78	132	Khá	
3	Trần Đình Lâm Huy	26-01-2002	20ST3	2.63	132	Khá	
4	Lê Châu Tuấn	30-09-2002	20ST3	3.46	132	Giỏi	
5	Đỗ Thị Tuyết Liên	10-02-1998	20ST4	3.09	138	Khá	
6	Nguyễn Thị Thanh Vân	21-11-2002	20ST4	2.85	135	Khá	
7	Nguyễn Đình Nguyên Chương	22-06-2002	20CNTT2	2.78	130	Khá	
8	Phan Quốc Bảo	26-04-2002	20CNTTC	2.73	131	Khá	
9	Huỳnh Anh Thư	22-03-2002	20CNTTD	2.59	130	Khá	
10	Nguyễn Ngọc Anh Thư	28-11-2002	20SVL	2.50	131	Khá	
11	Võ Lê Diệu Linh	08-07-2002	20SVL	2.76	131	Khá	
12	Thị Thị Phụng	25-05-2002	20SVL	2.82	133	Khá	
13	Trần Thị Thanh Vân	10-12-2002	20SNV1	3.17	140	Khá	
14	Nguyễn Thị Hoàng Anh	10-06-2002	20SNV2	3.02	131	Khá	
15	Trần Thiên Khải	22-05-2002	20SNV2	3.09	130	Khá	
16	Nguyễn Thị Hoài Nhi	23-04-2002	20SNV2	2.91	131	Khá	
17	Huỳnh Thị Thu Thi	02-03-2002	20SNV2	2.75	132	Khá	
18	Đoàn Thị Thùy Dung	05-05-2002	20SNV3	2.60	131	Khá	
19	Nguyễn Ngọc Hương Tiên	13-09-2002	20SNV3	2.86	130	Khá	
20	Nguyễn Thị Tý	03-06-2002	20SNV3	2.83	136	Khá	
21	Chế Tuyết Thiện An	20-08-2002	20SNV4	2.81	130	Khá	
22	Đỗ Thị Phương Khánh	03-12-2002	20SNV4	3.11	138	Khá	
23	Nguyễn Khánh Trang	26-09-2002	20CVH	3.08	130	Khá	
24	Phạm Trần Quỳnh Hương	26-06-2002	20CBC1	2.88	130	Khá	
25	Lê Ngọc Kiều Trinh	23-10-2002	20CBC1	2.67	130	Khá	
26	Võ Thu Hà	17-10-2002	20CBC2	3.33	132	Giỏi	
27	Nguyễn Quang Nam	31-10-2002	20CBC2	2.92	130	Khá	

Stt	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TB tích lũy	Số TCTL	Xếp loại	Ghi chú
28	Bùi Thị Hạnh	12-06-2002	20CBC3	2.79	130	Khá	
29	Huỳnh Nhật Huy	07-01-2002	20CBC3	2.86	131	Khá	
30	Lê Hữu Quân	17-03-2002	20CVNH1	2.93	131	Khá	
31	Trần Thị Thu Thảo	18-02-2002	20CVNH1	3.09	131	Khá	
32	Đỗ Phú Viên	11-02-2002	20CVNH1	2.49	131	Trung bình	
33	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	01-11-2002	20CVNHC	3.40	131	Giỏi	
34	Phạm Thị Hoàng Bích	15-07-2002	20SLD	2.46	132	Trung bình	
35	Lê Thị Minh Thảo	26-06-2002	20SLD	2.97	131	Khá	
36	Nguyễn Hoàng Uyên Phương	15-03-2002	20SLD	2.64	130	Khá	
37	Nguyễn Thị Như Ý	04-09-2002	20CDDL1	2.85	132	Khá	
38	Huỳnh Thu Hà	27-10-2002	20CDDL2	3.02	132	Khá	
39	Nguyễn Thị Hoàng Mỹ	07-04-2002	20CTL2	2.68	130	Khá	
40	Nguyễn Thị Thanh Hiền	28-06-2002	20CTL2	3.02	130	Khá	
41	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	20-06-2002	20SMN2	2.74	132	Khá	
42	Cao Thị Quỳnh Như	01-05-2002	20SMN2	3.11	131	Khá	
43	Trần Thị Phương Ly	07-10-2002	20SAN	3.03	135	Khá	
Chương trình 2							
1	Hồ Thị Lương Châu	19-10-1999	18SNV	3.31	136	Giỏi	